

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 12 - 2023

Về việc Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng
Ông Nguyễn Thái Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 119/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hà A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống và lao động tại Angola. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà ngoại – bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án chị Nguyễn Hà A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hà A và anh Trần Đình T quen biết và yêu nhau, sau khi tổ chức lễ cưới thì đăng ký kết hôn ngày 17/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Tĩnh. Do khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng chị A cùng anh T đi lao động tại Angola. Hai vợ chồng chung

sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quá trình bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên xa cách. Chị và anh T ly thân từ tháng 3/2023, đến tháng 9/2023 thì chị về Việt Nam còn anh T vẫn ở lại lao động tại Angola. Ngày 10/10/2023, chị quay lại lao động tại Angola nhưng hai bên vẫn không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Hiện tại, chị A xác định cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Trần Đình P, sinh ngày: 23/12/2014 và Trần Anh T, sinh ngày: 05/6/2017. Hiện hai con đang sống cùng mẹ đẻ của chị là bà Trần Thị Mai L tại Tổ dân phố 3, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chị và anh T thống nhất giao con chung cháu Trần Đình P cho anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Anh T cho chị Nguyễn Hà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do hiện nay, chị cũng đang sinh sống và lao động tại nước ngoài nên chị và anh T thỏa thuận thống nhất nhờ mẹ đẻ của chị là bà Trần Thị Mai L thay chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi chị A và anh T về lại Việt Nam. Trong thời gian nhờ bà Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị và anh T thỏa thuận mỗi người gửi tiền về cho bà Lan để cấp dưỡng nuôi các con chung theo phương thức hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng (tổng là 10.000.000 đồng) kể từ ngày có Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi chị A về lại Việt Nam để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 6/10/2023, chị A đề nghị giao hai con chung cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tiền cấp dưỡng nuôi con chung và người trực tiếp nuôi con trong thời gian vợ chồng đang ở nước ngoài thì chị vẫn giữ nguyên như đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị và anh T thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2023 của anh Trần Đình T (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Angola), nội dung thể hiện:

Anh T hiện nay đang sinh sống và lao động tại Angola, do tình hình công việc nên anh không thể về Việt Nam để tham gia giải quyết vụ án. Anh T đã biết việc chị A có yêu cầu ly hôn và xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân đã trở nên trầm trọng, không thể kéo dài nên có nguyện vọng được ly hôn với chị A; về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị A có hai con

chung là cháu Trần Đình P, sinh ngày 23/12/2014 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 05/6/2017. Anh T và chị A thống nhất giao con chung cháu Trần Đình P cho anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Anh T cho chị Nguyễn Hà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian mà anh và chị A đang lao động ở nước ngoài thì thống nhất nhờ mẹ đẻ chị A là bà Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung thay cho chị A, anh T. Trong thời gian nhờ bà Lan chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thì anh và chị A mỗi người có nghĩa vụ gửi tiền cho bà Lan để cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (tổng 10.000.000 đồng) kể từ ngày có Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chị A quay về Việt Nam để trực tiếp nuôi con chung.

Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận sự việc thông qua việc gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh T do người thân cung cấp, có sự chứng kiến của người đại diện theo ủy quyền về giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng của anh T thì anh T thống nhất với đề nghị của chị A là giao hai con chung cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 95 đường V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 37, 39, 464 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83; 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, chấp nhận yêu cầu của các đương sự về việc xin ly hôn, xử cho chị Nguyễn Hà A được ly hôn với anh Trần Đình T. Về vấn đề con chung: xử giao hai con chung là Trần Đình P, sinh ngày 23/12/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 05/6/2017 cho chị Nguyễn Hà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Trong thời gian chị Nguyễn Hà A ở nước ngoài giao hai cháu Đình Phong, Anh Thư cho bà Trần Thị Mai L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị A về nước. Chị A, anh T nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người 5.000.000 đồng/ tháng (tổng 10.000.000 đồng) về cho bà Trần Thị Mai L để bà nuôi dưỡng hai cháu kể từ tháng 12/2023 cho đến khi chị A quay về Việt Nam để trực tiếp nuôi con; về án phí: Buộc chị Nguyễn Hà A nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Đình T đang sống và làm việc tại Angola. Theo công văn số 28164/QLXNC- P3 ngày 26/10/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì anh Trần Đình T đã xuất cảnh lần cuối ngày 24/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do điều kiện công việc nên anh T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho chị Nguyễn Thị Hằng N là người đại diện theo ủy quyền của anh T về việc giao nhận các tài liệu liên quan đến vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị A và anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hà A và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình nên vợ chồng cùng đi lao động tại Angola. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên xa cách. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không hàn gắn được nên tháng 3/2023 vợ chồng ly thân. Đầu tháng 9/2023 chị A quay về Việt Nam còn anh T vẫn ở lại sinh sống và lao động tại Angola. Ngày 10/10/2023, chị A quay lại lao động tại Angola nhưng cả hai người vẫn không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị A xác định cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên chị A xin ly hôn thì anh T đồng ý.

Xét thấy mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tiến bộ, vợ chồng phải tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân giữa chị A và anh T không còn đạt được mục đích đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với nhau và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 55 Luật

hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Hà A và anh Trần Đình T.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung là Trần Đình P, sinh ngày 23/12/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 05/6/2017; hiện hai con chung đang sống cùng ông bà ngoại. Chị A và anh T đều thống nhất giao hai con chung cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, xem xét nguyện vọng của hai con chung đều mong muốn được sống cùng chị A. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là giao hai con chung cho chị A được chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trong thời gian ở nước ngoài, chị A có nguyện vọng nhờ mẹ đẻ của chị là bà Trần Thị Mai L tiếp tục chăm sóc hai cháu Trần Đình P và Trần Anh T cho đến khi chị trở về lại Việt Nam. Bà Trần Thị Mai L đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Trần Đình P và Trần Anh T cho đến khi chị A trở về Việt Nam để có đủ điều kiện trực tiếp nuôi các con.

Ghi nhận việc chị A, anh T thống nhất trong thời gian bà Trần Thị Mai L chăm sóc thay con chung cho chị A, mỗi người cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng (tổng 10.000.000 đồng) để bà Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung kể từ tháng 12/2023 cho đến khi chị A trở về Việt Nam để trực tiếp nuôi các con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 464, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Hà A. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Hà A và anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Đình P, sinh ngày 23/12/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 05/6/2017 cho chị Nguyễn Hà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh Trần Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị Nguyễn Hà A ở nước ngoài, giao hai cháu Trần Đình P và Trần Anh T cho mẹ đẻ của chị A là bà Trần Thị Mai L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị A về Việt Nam để trực tiếp nuôi con.

Ghi nhận việc chị A, anh T thống nhất trong thời gian bà Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng thay con chung cho chị Nguyễn Hà A, mỗi người cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng (tổng 10.000.000 đồng) để bà Trần Thị Mai L chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung kể từ tháng 12/2023 cho đến khi chị A trở về Việt Nam để trực tiếp nuôi các con.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc chị Nguyễn Hà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000287 ngày 05/10/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền